

I. Trắc nghiệm (5,0 điểm): Chọn câu trả lời đúng nhất cho các câu hỏi sau

Câu 1: Kết quả của phép tính $2^4 \cdot 2^3$ bằng:

- A. 2^6 B. 2^7 C. 2^8 D. 2^9

Câu 2. Các số nguyên 0; – 23; 2021; 125 được sắp xếp theo thứ tự tăng dần là:

- A. –23; 0 ; 2021; 125 B. 125; –23; 0 ; 2021
C. –23; 0 ; 125; 2021 D. 2021; 125; –23; 0

Câu 3. Tập hợp các số nguyên bao gồm:

- A. Số nguyên dương B. Số nguyên âm
C. Số nguyên âm, số nguyên dương D. Số nguyên âm, số 0 và số nguyên dương

Câu 4. Kết quả của phép tính: $(-89) + (-11)$ bằng:

- A. –100 B. 100 C. –110 D. 78

Câu 5. Kết quả của phép tính $(-63) : (-9)$ bằng:

- A. 7 B. –7 C. 8 D. –8

Câu 6. Cho hình chữ nhật có chiều rộng là 6 cm, chiều dài là 8 cm. Diện tích của hình chữ nhật đó là:

- A. 28 cm^2 B. 14 cm^2 C. 48 cm^2 D. 40 cm^2

Câu 7. Chiếc đồng hồ dưới đây có hình dạng giống hình:

- A. Tam giác B. Hình vuông
C. Hình thoi D. Lục giác đều



Câu 8. Bạn An mua 5 cái bút bi hết 45 000 đồng. Vậy giá tiền mỗi cây bút bi mà bạn An mua là:

- A. 9 000 đồng B. 8 000 đồng C. 10 000 đồng D. 6 000 đồng

Câu 9. Tính tổng các số nguyên x thỏa mãn điều kiện $-3 \leq x \leq 3$, được kết quả là:

- A. -3 B. 0 C. -1 D. 1

Câu 10. Dữ liệu tốc độ chạy trung bình của một số động vật được cho trong bảng sau đây:

Tốc độ chạy trung bình của một số động vật	
Con vật	Tốc độ (km/h)
Chó sói	69
Ngựa vằn	64
Son dương	98
Thỏ	56
Hươu cao cổ	51
Báo gấm	112

Tốc độ chạy của con vật nào là nhanh nhất?

- A. Báo gấm B. Son dương
C. Ngựa vằn D. Thỏ

Tự luận (5 điểm)

Câu 11.(1 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $2 \cdot 5^2 - 176 : 2^3$ b) $(-15) + (-30) + 4$

Câu 12. (1 điểm) Tìm x , biết:

a) $x + 17 = -12$ b) $82 - (x + 15) = 60$

Câu 13.(1 điểm) Một trường THCS tổ chức cho từ 600 đến 700 học sinh đi học tập ngoại khóa ngoài trời. Tính số học sinh đi học tập ngoại khóa ngoài trời biết rằng nếu xếp 42 hay 45 em vào một xe thì đều không dư em nào?

Câu 14.(1,25 điểm) Điều tra môn học yêu thích nhất của mỗi học sinh tổ 1 lớp 6A, bạn tổ trưởng thu được bảng số liệu sau:

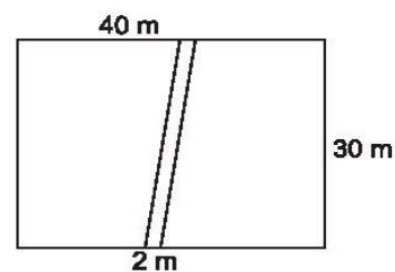
T	V	N	N	L	T
K	K	V	T	T	N

Viết tắt: T : Môn Toán ; V : Môn Văn ; N : Môn Ngoại ngữ; L: Môn Lịch sử và địa lý ;
K : Môn Khoa học tự nhiên

Em hãy trả lời các câu hỏi sau:

- a) Tổ 1 có bao nhiêu học sinh?
b) Hãy gọi tên bảng dữ liệu trên?
c) Hãy lập bảng thống kê tương ứng và cho biết môn học nào được các bạn tổ 1 yêu thích nhất?

Câu 15. (0,75 điểm) Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 40 m, chiều rộng 30 m, với lối đi hình bình hành rộng 2 m (như hình vẽ). Em hãy tính diện tích phần mảnh vườn không tính lối đi.



-----HẾT-----

Thang điểm – Đáp án

Trắc nghiệm

1-B, 2-C, 3-D, 4-A, 5-A, 6-C, 7-D, 8-A, 9-B, 10-A

Tự luận

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 11.(1đ)	$a) 2 \cdot 5^2 - 176 : 2^3$ $= 2 \cdot 25 - 176 : 8$ $= 50 - 22$ $= 28$	0,25đ 0,25đ
	$b) (-15) + (-30) + 4$ $= (-45) + 4$ $= -41$	0,25đ 0,25đ
Câu 12.(1đ)	$a) x + 17 = -12$ $x = -12 - 17$ $x = -29$	0,25đ 0,25đ
	$b) 82 - (x + 15) = 60$ $x + 15 = 82 - 60$ $x + 15 = 22$ $x = 22 - 15$ $x = 7$	0,25đ 0,25đ
Câu 13.(1đ)	Gọi x là số học sinh đi học tập ngoại khóa ngoài trời $(600 \leq x \leq 700)$ Vì xếp 42 hay 45 em vào một xe đều không dư em nào nên $x : 42, x : 45 \Rightarrow x \in BC(42, 45)$ $42 = 2 \cdot 3 \cdot 7$ $45 = 3^2 \cdot 5$ $BCNN(42, 45) = 2 \cdot 3^2 \cdot 5 \cdot 7 = 630$ $\Rightarrow BC(42, 45) = B(630) = \{0; 630; 1260; \dots\}$ Mà $600 \leq x \leq 700$ nên $x = 630$	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ

	Vậy có 630 học sinh học tập ngoại khóa ngoài trời													
Câu 14.(1,25 đ)	a) Tổ 1 có 12 học sinh	0,5đ												
	b) Bảng dữ liệu ban đầu về môn học yêu thích nhất của các học sinh tổ 1 lớp 6A	0,25đ												
	c) Bảng thống kê tương ứng:													
	<table><tr><th>Môn học</th><th>Số bạn chọn</th></tr><tr><td>Môn Toán</td><td>4</td></tr><tr><td>Môn Văn</td><td>2</td></tr><tr><td>Môn Ngoại ngữ</td><td>3</td></tr><tr><td>Môn Khoa học tự nhiên</td><td>2</td></tr><tr><td>Môn Lịch sử và địa lý</td><td>1</td></tr></table>	Môn học	Số bạn chọn	Môn Toán	4	Môn Văn	2	Môn Ngoại ngữ	3	Môn Khoa học tự nhiên	2	Môn Lịch sử và địa lý	1	0,25đ
	Môn học	Số bạn chọn												
	Môn Toán	4												
	Môn Văn	2												
Môn Ngoại ngữ	3													
Môn Khoa học tự nhiên	2													
Môn Lịch sử và địa lý	1													
Môn toán được các bạn học sinh tổ 1 yêu thích nhất	0,25đ													
Câu 15.(0,75đ)	Diện tích mảnh vườn hình chữ nhật là: $40.30 = 1200 (m^2)$	0,25đ												
	Diện tích lối đi là: $2.30 = 60 (m^2)$	0,25đ												
	Diện tích phần mảnh vườn không tính lối đi là: $1200 - 60 = 1140 (m^2)$	0,25đ												
	Vậy diện tích phần mảnh vườn không tính lối đi là $1140m^2$													